

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2025

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hoa Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Bài.

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị D**, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Cây a, xã Tập Ng, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: Ấp Tân Trung Kinh, xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh **Trương Hoàng B**, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Cây a, xã Tập Ng, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Đoàn Thị D trình bày có nội dung: Vào năm 2017, chị xác lập quan hệ vợ chồng với anh Trương Hoàng B, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh vào ngày 10/10/2017.

Trong quá trình chung sống chị D và anh B có 02 con chung Trương Hoàng Kh, sinh ngày 05/5/2018, Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 30/01/2021. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung nhau không còn hạnh phúc, anh B không lo làm ăn để chăm lo cho đời sống gia đình, một mình chị nuôi hai con, chị bệnh anh B không quan tâm, chăm sóc, anh B không phụ giúp chị chăm lo cho các con, anh B chỉ lo ăn chơi, cờ bạc, về nhà còn cự cãi với chị, dùng những lời lẽ xúc phạm chị nhiều lần chị D có khuyên răn nhưng anh B không thay đổi tính tình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống chung nhau không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay.

Nay chị D nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, cụ thể:

Về hôn nhân: Chị D yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Cháu Trương Hoàng Kh, 05/5/2018, Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 30/01/2021, hiện tại hai con chung đang sống chung với chị D chung nhà cha, mẹ chị D tại ấp Tân Trung Kinh, xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Chị D yêu cầu được nuôi hai con chung cháu Kh, cháu H, chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con chung. Hiện nay chị D đang buôn bán hải sản, thu nhập bình quân mỗi ngày từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng, trung bình mỗi tháng thu nhập trên 13.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đoàn Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà bị đơn anh Trương Hoàng B trình bày: Anh xác lập quan hệ vợ chồng với chị D và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh vào ngày 10/10/2017.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trước đây anh B có cờ bạc, trong lúc cự cãi anh B cũng có lời lẽ xúc phạm đến gia đình chị D; anh B đi làm ăn xa từ năm 2023, do anh B bị bệnh nên không có gửi tiền về phụ nuôi con với chị D. Do đó vợ chồng có cự cãi qua lại với nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau.

Nay chị D yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh đồng ý giao con chung Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 30/01/2021 cho chị D nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trương Hoàng Kh, sinh ngày 05/5/2018, anh B không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Trương Hoàng Kh trình bày có nội dung:

Cháu Kh là con của bà Đoàn Thị D và ông Trương Hoàng B, nay bà Diễm, ông Bảo ly hôn, cháu Kh có nguyện vọng sống chung với bà Diễm.

Qua xác minh chính quyền địa phương cho biết: Chị D và anh B có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn chị D anh B về sống chung tại ấp Cây Ôi, xã Tập Ngãi, quá trình chung sống chị D, anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị D đã đưa hai con chung là cháu Kh và cháu H về nhà mẹ ruột sống tại ấp Tân Trung Kinh, xã Hiếu Trung. Sau khi chị D về nhà mẹ ruột sinh sống, anh B có hành vi nhấn tin, gọi điện đe dọa chị D có báo với chính quyền địa phương, nhưng không lập biên bản.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị D và anh Trương Hoàng B thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trương Hoàng B đồng ý giao con chung cháu Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 30/01/2021 cho chị D nuôi dưỡng; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị D và anh Trương Hoàng B không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Đoàn Thị D và anh Trương Hoàng B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng Kh, 05/5/2018, chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung; Anh B không đồng ý, anh B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng Kh, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định còn vắng mặt tại phiên tòa lần đầu.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị D. Về quan hệ hôn nhân: Cho Đoàn Thị D được ly hôn với anh Trương Hoàng B; về con chung: Giao cháu Trương Hoàng Kh, sinh ngày 05/5/2018, Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 30/01/2021 cho chị D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Kh là muốn được sống chung với chị D, chị D không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Đoàn Thị D và anh Trương Hoàng B không tranh chấp, về nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D xác lập quan hệ hôn nhân với anh B vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh vào ngày 10/10/2017 đúng theo quy định của pháp luật, cho nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Nay chị D và anh B thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[3] Về con chung: Cháu Trương Hoàng Kh, sinh ngày 05/5/2018, Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 30/01/2021, hiện do chị D đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Anh B đồng ý giao cháu Trương Thị Mỹ H cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, anh B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng Kh. Tuy nhiên hai cháu Kh, cháu H từ trước đến nay vẫn sống chung với nhau, do chị D trực tiếp chăm sóc giáo dục được phát triển đầy đủ về mọi mặt, chị D đang sống chung với cha, mẹ đẻ, có sự hỗ trợ chăm sóc nuôi dạy con cái; đồng thời cháu Kh có nguyện vọng sống chung với chị D. Để đảm bảo các cháu được tiếp tục phát triển về mọi mặt và cũng không làm xáo trộn cuộc sống của hai cháu, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cho chị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu, là phù hợp với nguyện vọng của cháu Kh muốn sống cùng với chị D.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị D là người trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào chị D có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Chị D và anh B không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị D và anh B khai không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị D được ly hôn với anh Trương Hoàng B.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Hoàng Kh, sinh ngày 05/5/2018, Trương Thị Mỹ H, sinh ngày 30/01/2021 cho chị Đoàn Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của cháu Kh muốn sống chung với chị D. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị D và anh B không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị D và anh B không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị D phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006554, ngày 15/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; chị D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã Tập Ngãi
(chứng nhận kết hôn ngày 10/10/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Hoa Lan

